

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố X, phường CM, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trịnh Phước H1, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Mỹ H2, sinh năm 1973; địa chỉ: khu Y, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/08/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:*

Ngày 28/06/2022, vợ chồng ông H1 bà H2 có lập giấy mượn tiền bà N với số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, cam kết trong 01 tháng sẽ trả vốn và lãi cho bà N. Để làm tin vợ chồng ông H1 bà H2 giao cho bà N bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH01769 do UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp cho bà Lê Thị Mỹ H2 ngày X/Y/2011. Nhưng từ ngày nhận tiền đến nay, vợ chồng ông H1, bà H2 chưa thành toán cho bà N. Vì vậy bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1, bà

H2 phải trả số tiền 2.945.280.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/06/2022 đến ngày xét xử (28/02/2023) với lãi suất 20%/năm là 345.280.000 đồng.

Sau khi ông H1, bà H2 trả cho bà N số tiền trên thì bà N sẽ trả bản chính Giấy CNQSD do bà Lê Thị Mỹ H2 đứng tên cho ông H1 bà H2.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Phước H1 và bà Lê Thị Mỹ H2 trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N. Ngày 28/06/2022, vợ chồng ông H1 bà H2 có mượn bà N số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, cam kết trong 01 tháng sẽ trả vốn và lãi cho bà N. Hiện nay, vợ chồng ông H1, bà H2 chưa trả tiền cho bà N. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của bà N, vợ chồng ông H1, bà H2 đồng ý trả số tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ và đang sinh sống tại phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay là 2.600.000.000 đồng và lãi. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 28/06/2022, vợ chồng ông H1 bà H2 có lập giấy mượn tiền bà N số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, cam kết trong 01 tháng sẽ trả vốn và lãi cho bà N. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự, bị đơn có đưa cho nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 826079, số vào sổ cấp GCN: CH01769 do UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp ngày X/Y/2011 cho bà Lê Thị Mỹ H2.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với lãi suất 20%/năm.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 2.600.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 2.600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự

[2.4] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ 28/6/2022 đến ngày xét xử (28/02/2023) là 345.280.000 đồng, với mức lãi suất 20%/năm. Xét thấy, giấy vay tiền 2.600.000.000 đồng có thỏa thuận tiền lãi do đó nguyên đơn yêu cầu lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.5] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn ông Trịnh Phước H1, bà Lê Thị Mỹ H2 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bị đơn ông Trịnh Phước H1, bà Lê Thị Mỹ H2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim N số tiền tổng cộng 2.945.280.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.600.000.000 đồng, tiền lãi 345.280.000 đồng.

[2.6] Khi vay tiền bị đơn đưa cho nguyên đơn bản chính Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp GCN: CH01769 do UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp cho bà Lê Thị Mỹ H2 ngày X/Y/2011 để làm tin. Do đó, nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại bản chính GCNQSDĐ trên cho bị đơn.

[3] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trịnh Phước H1 và bà Lê Thị Mỹ H2 phải liên đới nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N đối với bị đơn ông Trịnh Phước H1, bà Lê Thị Mỹ H2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Trịnh Phước H1, bà Lê Thị Mỹ H2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Kim N số tiền tổng cộng là 2.945.280.000 đồng

(hai tỷ chín trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 2.600.000.000 đồng, tiền lãi 345.280.000 đồng.

Buộc bà Trần Kim N có trách nhiệm trả lại cho ông Trịnh Phước H1, bà Lê Thị Mỹ H2 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 826079, số vào sổ cấp GCN: CH01769 do UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp ngày X/Y/2011 cho bà Lê Thị Mỹ H2.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trịnh Phước H1, bà Lê Thị Mỹ H2 phải liên đới nộp số tiền 90.905.600 đồng (chín mươi triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Châu Giang